

Bản án số: 01/2019/HC-PT

Ngày 23-10-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị N

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Q; Ông Bằng Công H

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Ông Lê Văn M - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HC-ST, ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:**

1.1- Ông Lương Văn C, sinh năm 1953

Địa chỉ: Xóm LP, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN

1.2- Bà Đặng Thị L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm LP, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN

- *Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 8, phường Quang Trung, thành phố TN, tỉnh TN.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Luật sư Hoàng Thanh Q – Thuộc Văn phòng Luật sư QT- Đoàn luật sư tỉnh TN

**2. Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LS

Địa chỉ: Xóm LP, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Vũ Xuân H, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã LS.

- Người làm chứng: Ông Lương Văn T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm LP, xã LS, thành phố TN, tỉnh TN

*Tại phiên tòa: Có mặt ông C, bà L, ông T, Luật sư Q, ông H, ông T; Vắng mặt: Không.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm, bản tự khai, lời trình bày người đại diện hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ án, Người khởi kiện trình bày:*

Năm 1952 bố ông C là cụ Lương Viết Trọng khai phá khu đất đồi diện tích khoảng 8000m<sup>2</sup> tại xứ đồng Khánh Hòa, xóm LP, xã LS, huyện Đồng Hỷ (nay là thành phố TN), tỉnh TN. Nay theo bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 61- TĐĐ 07. Quá trình sử dụng đất, năm 1990 gia đình ông C đã tiến hành trồng rừng trên khu đất này theo chương trình trồng rừng bằng nguồn vốn tài trợ của Chương trình lương thực thế giới (gọi tắt là dự án: PAM). Đến năm 1997 trong sổ dã ngoại xã LS đã thể hiện phần diện tích đất này là thửa 66B, diện tích 8.985m<sup>2</sup> là của ông Lương Văn C. Hiện nay toàn bộ phần diện tích đất này gia đình ông vẫn quản lý và sử dụng để trồng rừng. Năm 1999, khi UBND xã LS có chủ trương triển khai đến các hộ dân kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính, con trai ông C là anh Lương Văn Hà đã đứng ra nhận đất, ký thay bố mẹ (do vợ chồng ông C đi làm ăn xa) nên được UBND huyện Đồng Hỷ ban hành quyết định số 8195/QĐ-UB ngày 20/12/1999 giao cho anh Lương Văn Hà diện tích 0,6ha (trong đó có 0,32ha thuộc thửa 337a – TĐĐ số 8 và 0,28ha thuộc thửa 61a – TĐĐ số 7) để sản xuất kinh doanh đồi rừng. Như vậy phần diện tích đất được giao tại thửa 61a- TĐĐ số 7 theo quyết định số 8195/QĐ-UB của UBND huyện Đồng Hỷ đã giao thiếu so với diện tích đất thực tế gia đình đang sử dụng là 6.185m<sup>2</sup>. Gia đình ông đã đề nghị UBND xã LS làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất còn thiếu lần, nhưng không được UBND xã xem xét, giải quyết.

Ngày 17/10/2016, ông C có “*đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu*” gửi UBND xã LS, đề nghị UBND huyện Đồng Hỷ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đồng Hỷ và UBND xã LS tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 6.185m<sup>2</sup> tại thửa 61a -TĐĐ số 7. Tuy nhiên UBND xã không làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, mà ban hành Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016; Trả lời về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thiếu của gia đình ông Lương Văn C và bà Đào Thị L xóm LP, xã LS, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN (*viết tắt là Thông báo số 39/TB-UBND*). Nội dung trả lời: Do phần diện tích đất của ông C, bà L xin cấp giấy chứng nhận có phát sinh tranh chấp giữa gia đình ông C với xóm LP và phường hiếu LP, nên chưa đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không đồng ý với việc UBND xã LS ban hành Thông báo số 39/TB-UBND; ngày 10/02/2017 ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L làm đơn khởi kiện đến Tòa án

nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN về hành vi hành chính không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ông C đó có đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, thay đổi đối tượng khởi kiện là kiện Thông báo số 39/UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS. Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ ban hành Thông báo thụ lý số 02/2017/TLST-HC ngày 27/02/2017, xác định đối tượng khởi kiện là Thông báo số 39/UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS, xác định yêu cầu khởi kiện là: “*Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật thông báo số 39/TB-UBND vì đã gây thiệt hại cho gia đình ông C, bà L*”.

Ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ ban hành quyết định số 01/2017/QĐST-HC chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố TN để giải quyết theo thẩm quyền do có sự thay đổi về địa giới hành chính theo Nghị quyết số 422/NQ-UBTVQH14 ngày 18/8/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố TN, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố TN giải quyết việc UBND xã LS không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C; Tuyên hủy các văn bản trái pháp luật của UBND xã LS, buộc UBND xã phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 6.185m<sup>2</sup> tại thửa 61- TĐ số 07 xã LS.

*Tại Văn bản số 45/CV-UBND ngày 14/3/2017 của UBND xã LS và lời trình của người đại diện hợp pháp, người bị kiện trình bày:*

Ngày 17/10/2016, UBND xã LS tiếp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L đối với thửa đất số 61 – TĐ số 07. Sau khi tiếp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã đã tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, xác định trên phần diện tích đất ông C, bà L xin cấp giấy chứng nhận có khoảng 37 ngôi mộ của nhân dân xóm LP và Hội phường hiếu LP đang quản lý.

Ngày 08/11/2016 ông Lương Văn Tứ -Trưởng xóm LP, đại diện cho tập thể nhân dân xóm LP có đề nghị gửi UBND xã LS, nội dung đơn xác định phần diện tích đất ông C, bà L xin cấp giấy chứng nhận là đất nghĩa trang của xóm LP đã sử dụng từ năm 1980; Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét giao phần đất trên cho xóm LP quản lý làm nơi chôn cất của những người đã qua đời.

Ngày 10/11/2016, UBND xã tiếp tục nhận được đơn đề nghị của Hội phường hiếu xóm LP, nội dung đơn không nhất trí với việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà L đối với phần diện tích đất Nghĩa trang của xóm LP.

Căn cứ vào đơn đề nghị của ông Lương Văn Tứ và Hội phường hiếu xóm LP, ngày 15/11/2016 UBND xã đã mời vợ chồng ông C, bà L và các thành phần có liên quan đến UBND xã LS để tổ chức hòa giải. Do việc hòa giải không thành, phần diện tích đất ông C, bà L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang có tranh chấp,

nên căn cứ vào Điều 100, Điều 101 của Luật đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND xã LS ban hành Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016 trả lời diện tích đất ông C, bà L xin cấp giấy chứng nhận chưa đủ điều kiện để cấp, vì đất đang có tranh chấp. Việc ông C, bà L khởi kiện UBND xã LS về hành vi hành chính là không có căn cứ, không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L về việc đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS.

Tại Bản án số 03/2019/HCST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã quyết định:

*Căn cứ : Các Điều 31, 164, 193, 194 Luật tổ tụng hành chính; Điều 74, Điều 76 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành ngày 01.01.2017. Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L. Hủy quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai của UBND xã LS, TP TN là Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016.*

*2. Kiến nghị: UBND xã LS, thành phố TN xem xét, hướng dẫn các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L đối với diện tích kê khai còn thiếu tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 7, thuộc bản đồ địa chính xã LS, thành phố TN để đảm bảo quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.*

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2019 người bị kiện là Chủ tịch UBND xã LS có đơn kháng cáo, không nhất trí với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã xét xử hủy Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm đối với phần ghi tên người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Chu Thế Việt, giữ nguyên phần quyết định bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Đại diện hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa sau khi phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tụng. Về nội dung đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính, hủy Bản án số 03/2019/HCST, ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung, do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về thủ tục kháng cáo:** Ngày 09/5/2019 Chủ tịch UBND xã LS có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST, ngày 26/4/2019 của TAND thành phố TN. Căn cứ vào Điều 204, 205, 206, 207, 209 và Điều 210 của Luật tố tụng hành chính: Đơn kháng cáo của người bị kiện trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét về hình thức và nội dung đơn kháng cáo của người bị kiện thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 205 của Luật tố tụng hành chính, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm sau khi nhận được đơn kháng cáo không kiểm tra và thông báo cho người bị kiện làm lại đơn kháng cáo để thực hiện đúng quy định và xác định rõ những yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết là gì? mà lại ban hành thông báo cho UBND xã LS nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là thực hiện không đúng quy định tại Điều 207 và Điều 209 của Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên người bị kiện kháng cáo toàn bộ bản án số 03/2019/HCST, ngày 26/4/2019 của TAND thành phố TN, những sai sót này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

**[2]. Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo và quá trình thụ lý, giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, thấy rằng:

[2.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông C, bà L khởi kiện UBND xã LS về hành vi không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu Tòa án giải quyết Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016. Căn cứ vào Điều 105 của Luật đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 3, Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 02/7/2017 ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L khởi kiện UBND xã LS, huyện Đồng Hỷ, tỉnh TN và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 26/02/2017 về hành vi không làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Cương, bà Luận tại Thửa số 61 – TĐ 07, xã LS và Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS, trả lời ông C, bà L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý

vụ án xác định còn thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2.3]. *Về việc xác định tư cách đương sự và người tham gia tố tụng trong vụ án:*

Để xác định ai là người bị kiện thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ việc đó. Trường hợp có nhiều luật cùng quy định thẩm quyền ra quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính về một lĩnh vực quản lý thì việc xác định thẩm quyền của người bị kiện khi nào là cá nhân, khi nào là cơ quan, tổ chức phải căn cứ vào luật chuyên ngành. Theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã. Tại khoản 9, 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính quy định:

*“9. Người bị kiện là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện.*

*10. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức, cá nhân tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án hành chính có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ tự mình hoặc đương sự khác đề nghị và được Tòa án nhân dân (sau đây gọi là Tòa án) chấp nhận hoặc được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.*

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND xã LS là không đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính.

Tài liệu có trong hồ sơ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện: Trên thửa đất ông C xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có khoảng 37 ngôi mộ (*Biên bản kiểm tra của UBND xã*), hơn 20 ngôi mộ (*biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án*) của nhân dân xóm LP chôn rải rác. Khi ông C xin cấp giấy chứng nhận, ông Lương Văn Tứ (Trưởng xóm) đại diện cho cộng đồng dân cư xóm LP có đơn đề nghị cho rằng vị trí thửa đất ông C xin cấp giấy chứng nhận là đất Nghĩa trang xóm LP, đồng thời đề nghị các cấp chính quyền làm thủ tục giao thửa đất đó cho cộng đồng dân cư xóm LP để làm nơi chôn cất người chết sau khi qua đời. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không đưa những hộ gia đình có ngôi mộ trên thửa đất và Cộng đồng dân cư xóm LP vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.4]. *Về hoạt động tố tụng và việc xác minh, thu thập chứng cứ:*

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, Tòa án nhân dân thành phố TN thụ lý vụ án số 05/2017/TLST-HC, nhưng các văn bản tố tụng sau này và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Bản án xác định là vụ án thụ lý số 06/TLST-HC là không chính xác; Hồ sơ không có quyết định phân công người tiến hành tố tụng, không có quyết định phân công kiểm sát viên kiểm sát xét xử. Ngày 08/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố TN có quyết định

đưa vụ án ra xét xử, nhưng ngày 11/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN đã có quyết định phân công kiểm sát viên tham gia phiên tòa là mâu thuẫn với hoạt động tố tụng của vụ án. Biên bản phiên tòa, Biên bản thảo luận, Quyết định tạm ngừng phiên tòa, Biên bản nghị án, Bản án có mâu thuẫn về thời gian, kết quả thảo luận, xác định tư cách tố tụng của đương sự và việc áp dụng pháp luật tố tụng. Ngày 25/3/2019 HĐXX quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh, thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ, tuy nhiên Tòa án chưa tiến hành xác minh thu thập được các tài liệu chứng cứ để khắc phục được lý do tạm ngừng phiên tòa, nhưng lại mở lại phiên tòa và xét xử vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 187 của Luật tố tụng hành chính.

Đa số các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là bản phô tô không được công chứng, chứng thực theo quy định, nhưng Tòa án không yêu cầu đương sự giao nộp bổ sung hoặc đối chiếu tính xác thực của tài liệu phô tô để sử dụng làm chứng cứ trong vụ án. Khi thu thập chứng cứ Tòa án không lập biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 83 của Luật tố tụng hành chính nên không xác định được tài liệu của ai, do ai cung cấp. Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ Tòa án không thông báo cho các đương sự về việc thu thập tài liệu chứng cứ để các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ của mình; không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ là vi phạm Điều 4, Điều 98, Điều 138 của Luật tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xác minh, thu thập lời khai của những người là cộng đồng dân cư xóm LP, của anh Lương Văn Hà nhưng không xác định tư cách tố tụng hoặc đưa họ vào tham gia. Khi ông C, bà L kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 61 – TĐĐ số 7, ông cho rằng đó là đất của gia đình mình sử dụng vào việc trồng rừng từ những năm 1990, nhưng trên thực tế trên phần diện tích đất này còn có nhiều ngôi mộ và đã được cộng đồng dân cư xóm LP sử dụng vào việc chôn cất người chết sau khi qua đời, ông Lương Văn Tứ đại diện cho cộng đồng dân cư xóm LP có đơn đề nghị cho rằng đó là đất nghĩa trang xóm LP, nhưng Tòa án không tiến hành xác minh, thu thập các thông tin về thửa đất, số lượng cụ thể là bao nhiêu ngôi mộ, các tài liệu, chứng cứ và quy định của UBND tỉnh TN trong việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang theo Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/6/2016 của Chính phủ là có nhiều thiếu sót trong việc điều tra, thu thập chứng cứ. Do vậy, Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, không có cơ sở để đánh giá tính hợp pháp của đối tượng khởi kiện trong vụ án.

*[2.5]. Về việc nhận định, đánh giá và áp dụng pháp của bản án sơ thẩm:*

Người bị kiện kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm đã xác định không đúng tên người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Chu Thế Việt. Tuy nhiên nội dung này đã được cấp sơ thẩm đính chính, hơn nữa xét về bản chất đây chỉ là sai sót về lỗi đánh máy và khâu soát xét văn bản, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền nghĩa vụ đương sự, nên nội dung này cấp sơ thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm.

Về việc viện dẫn, đánh giá tính hợp pháp của đối tượng khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn lý do “*Tại Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016 của UBND xã LS đã xác định rõ việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông C, bà L vì lý do đất đang có tranh chấp với hội phường hiếu xóm LP*” là không chính xác, không phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Tòa án không xem xét, đánh giá cộng đồng dân cư xóm LP có phải là chủ thể có quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 Luật đất đai năm 2013 hay không? có phải là chủ thể chủ thể tranh chấp với gia đình ông C hay không mà kết luận “*UBND xã LS xác định tranh chấp giữa hộ gia đình ông C, bà L với phường hiếu xóm LP là căn cứ duy nhất để ban hành thông báo số 39/TB-UBND*” là không khách quan, toàn diện. Đáng lẽ ra, khi xem xét nội dung này ngoài việc phân tích, áp dụng quy định tại Điều 74, Điều 75 của Bộ luật dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét đánh giá và áp dụng khoản 3 Điều 5 Luật đất đai năm 2013 để xác định chủ thể có quyền được sử dụng đất, đồng thời phân tích đánh giá xem có việc tranh chấp hay không? Ai là người tranh chấp khi ông C kê khai xin cấp giấy chứng nhận thì mới đảm bảo cho việc giải quyết vụ án một cách khách quan toàn diện.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Thông báo số 39/TB-UBND ngày 16/11/2016, nhưng không xem xét và giải quyết đối với Thông báo số 26/TB-UBND ngày 15/9/2017 là chưa giải quyết toàn diện vụ án, triệt để vụ án, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính.

Việc áp dụng pháp luật nội dung và đánh giá về nội dung, Tòa án không đánh giá và áp dụng pháp luật nội dung là Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà chỉ áp dụng Bộ luật dân sự loại trừ chủ thể sử dụng đất là thiếu sót; trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy quyết định hành chính bị khởi kiện thì buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy. Nhưng bản án lại kiến nghị UBND xã LS xem xét, hướng dẫn các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho gia đình ông Lương Văn C và bà Đặng Thị L là vi phạm khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính. Khi giải quyết về phần án phí Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội là không phù hợp.

[3]. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, giải quyết vụ án có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ còn thiếu sót, thiếu các tài liệu chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Nên cần chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố TN để xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[4]. Về án phí: Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241, Điều 349 của Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện; Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 03/2019/HCST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố TN, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Án phí: Chủ tịch UBND xã LS không chịu án phí hành chính phúc thẩm và được trả lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm phí số 0001985 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- TAND TP. TN;
- VKSND TP. TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Chi cục THADS TP. TN;
- UBND TP. TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhài**